TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 01 năm 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh; Ông Lò Văn Chiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lừu A N, sinh năm: 1984, địa chỉ: Bản Hoàng Liên Sơn 1, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Thào Thị M, sinh năm: 1987, địa chỉ: Bản Hoàng Liên Sơn 1, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lừu A N trình bày:

Anh Lừu A N và chị Thào Thị M là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2004. Ngày 13/01/2014, anh N, chị M đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh N, chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh N và chị M chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh N,

chị M xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ cuối năm 2017, anh N và chị M sống ly thân, chị M chuyển về ở với bố mẹ đẻ, sau đó thì đi làm ăn ở nơi khác. Vợ chồng không thường xuyên quan tâm, hỏi thăm nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh N không biết chị M đi làm ở đâu, làm công việc gì. Chị M không quan tâm gì đến gia đình, không có đóng góp kinh tế để lo cho cuộc sống gia đình. Hiện nay, chị M không có thai và không nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Anh N không còn tình cảm với chị M nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh Lừu A N và chị Thào Thị M có 03 con chung là các cháu: Lừu Thị D, sinh ngày 20/02/2004; Lừu A C, sinh ngày 06/02/2009; Lừu Thị N1, sinh ngày 13/6/2006. Từ khi anh N và chị M sống ly thân thì các cháu ở cùng với anh N, được anh N nuôi dưỡng, quan tâm, chăm sóc. Sau khi ly hôn, anh N mong muốn được nuôi cháu C và cháu N1, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Cháu D đã đủ 18 tuổi, có đủ khả năng lao động nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Theo lời khai của cháu C và cháu N1: Hiện nay, các cháu đang ở với bố, được bố yêu thương, quan tâm, chăm sóc. Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố.

Kết quả xác minh của Tòa án, xác định: Chị Thào Thị M đã sinh sống và có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Hoàng Liên Sơn 1, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị M đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng có mặt tại địa phương. Chị M không khai báo tạm vắng, không cung cấp thông tin về nơi ở hiện tại của bản thân nên không ai biết chị M đang ở đâu. Từ khi đi làm ăn xa, chị M vẫn liên lạc, gọi điện về bên nhà mẹ đẻ để hỏi thăm gia đình. Chị M đã biết việc anh N xin ly hôn, chị M nhất trí ly hôn với anh N, nhất trí để anh N nuôi con sau ly hôn. Chị M không có tranh chấp về tài sản khi ly hôn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ

theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lừu A N, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Lừu A N được ly hôn với chị Thào Thị M. Về con chung: Giao cháu Lừu A C và cháu Lừu Thị N1 cho anh Lừu A N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh N phải tạo điều kiện cho chị M được thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là anh Lừu A N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa anh N và bị đơn là chị Thào Thị M. Chị M đã cư trú và có đăng ký thường trú tại: Bản Hoàng Liên Sơn 1, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Tại thời điểm anh N gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì anh N không biết chị M đi làm ăn ở đâu. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lừu A N và chị Thào Thị M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2013, tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Khoảng từ năm 2017, anh N và chị M có phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị M thường xuyên đi xa nhà, hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Anh N không biết chị M đi làm ở đâu. Từ cuối năm 2017, anh N và chị M đã sống ly thân, không còn yêu thương nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay anh N không còn tình cảm với chị M nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị M. Chị M cũng nhất trí ly hôn với anh N. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, chị M vắng mặt không có lý do. Giữa chị M và anh N không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại thời điểm hiện nay, chị M không có thai, không nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N, giải quyết cho anh N được ly hôn với chị M theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Từ khi anh N, chị M sống ly thân, các cháu D, C, N1 sống cùng với bố, được bố quan tâm, chăm sóc. Khi được Tòa án hỏi ý kiến, cháu C, cháu N1 đều có nguyện vọng được ở với bố. Hiện nay, anh N có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu và có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con. Chị M cũng nhất trí để anh N nuôi dưỡng các con. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu C, cháu N1 cho anh N là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh N là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cháu Lừu A D đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Anh N và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là anh Lừu A N, là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, anh Đi có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định cho nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lừu A N được ly hôn với chị Thào Thị M.

- Về con chung: Giao cháu Lừu A C, sinh ngày 06/02/2009 và cháu Lừu Thị N1, sinh ngày 13/6/2006, cho anh Lừu A N là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Thào Thị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh N là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lừu A N không yêu cầu chị Thào Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh Lừu A N và chị Thào Thị M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Nậm Xe (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh